

Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 tập 1 tuần 3: Chính tả

Hướng dẫn Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 tập 1 tuần 3 trang 10: Chính tả

Câu 1. Điền **ng** hoặc **nh** vào chỗ trống:

..... ày tháng,..... ỉ ngơi

..... ười bạn,..... ề nghiệp

Câu 2. Điền vào chỗ trống:

a) **tr** hoặc **ch**

cây..... e, mái..... e, ung thành,ung sức.

b) **đỏ** hoặc **đỡ**

..... rác, thi..... trời mưa, xe

TRẢ LỜI:

Câu 1. Điền **ng** hoặc **nh** vào chỗ trống:

ngày tháng, **nh**ỉ ngơi

người bạn, **nh**ề nghiệp

Câu 2. Điền vào chỗ trống:

a) **tr** hoặc **ch**

cây **tr**e, mái **ch**e, **tr**ung thành, **ch**ung sức

b) **đỏ** hoặc **đỡ**

đỏ rác, thi **đỏ**, trời **đỏ** mưa, xe **đỏ** lại

Hướng dẫn Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 tập 1 tuần 3 trang 12: Chính tả

Câu 1. Chọn chữ trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

a) (ngờ, nghiêng) ngả, nghi

b) (ngon, nghe) ngóng, ngọt

Câu 2. Chọn chữ trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

a) (chở, trò) chuyện, che

(trắng, chăm) tinh, chỉ

b) (gỗ, gổ) cây; gây

(mỡ, mở) màu; cửa.....

TRẢ LỜI:

Câu 1. Chọn chữ trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

a) (ngờ, nghiêng) **nghiêng** ngã, nghi **ngờ**

b) (ngon, nghe) **nghe** ngóng, **ngon** ngọt

Câu 2. Chọn chữ trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

a) (chở, trò) **trò** chuyện, che **chở**

(trắng, chăm) **trắng** tinh, **chăm** chỉ

b) (gỗ, gổ) cây **gỗ**, gây **gổ**

(mỡ, mở) màu **mỡ**, cửa **mở**

Tham khảo toàn bộ giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 tại đây:

<https://vndoc.com/giai-vo-bai-tap-tieng-viet-2>